

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Kim

Ông Doãn Đức Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/ HSST ngày 04/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu D - sinh năm 1995; ĐKNKTT và chỗ ở: Số nhà 114 phố S, phường H, thành phố Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ: 20/3/2017; tạm giam: 23/3/2017; hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phùng Đình T- sinh năm 1998; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phùng Đình P (đã chết) và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ: 15/3/2017; tạm giam: 21/3/2017; hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Hữu D và Phùng Đình T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16h ngày 15/3/2017, Nguyễn Hữu D đang ở nhà thì Nguyễn Trọng Q ở thôn D, xã T, thành phố Thanh Hóa dùng điện thoại của mình có số máy 0963.494.328 gọi điện thoại vào số máy của D có số máy là 0967.484.176 và nói với D cầm lên nhà nghỉ Mini ở phố T, thị trấn T, huyện S cho Q 01 gói ma túy đá trị giá 300.000đ, D đồng ý; sau đó D ra lấy 01 gói ma túy đá mà D giấu ở vườn nhà mình đi lên nhà nghỉ Mini; khi đến nơi D gọi điện nói Q xuống lấy ma túy. Sau khi nghe điện thoại Q đưa cho Lại Như H 300.000đ bảo H xuống gặp D để lấy ma túy, H cầm tiền xuống gặp D lấy ma túy xong và đưa cho D số tiền là 300.000đ, D đưa cho H 01 gói ma túy sau đó đi về nhà, H cầm gói ma túy đi lên phòng nhà nghỉ cùng Q và Lê Bá T sử dụng hết số ma túy trên. Quá trình sử dụng ma túy các đối tượng Q, H, Lê Bá T thấy còn thiếu, nên lúc này vào khoảng 17h40' cùng ngày Q tiếp tục gọi điện cho D để mua ma túy đá, khi Q gọi điện cho D thì lúc này có Phùng Đình T đang ở nhà D thấy máy điện thoại của D có người gọi đến nên cầm điện thoại xuống bếp đưa cho D nghe, khi đó Phùng Đình T đứng bên cạnh, do D bật loa ngoài nên Phùng Đình T nghe được Q nói với D là mang thêm cho Q 01 gói ma túy đá 300.000đ nữa, vì Phùng Đình T thấy D đang nấu cơm nên Phùng Đình T nói để Phùng Đình T mang ma túy lên cho Q; nghe Phùng Đình T nói vậy D nói với Q để Phùng Đình T mang ma túy lên rồi tắt máy điện thoại, sau đó D đi ra chỗ giấu ma túy ngoài vườn nhà mình lấy tiếp 01 gói ma túy đá rồi đưa cho Phùng Đình T và nói Phùng Đình T đem ma túy lên nhà nghỉ Mini ở thị trấn Rừng Thông, huyện S để bán cho Q, đồng thời D đưa cho Phùng Đình T cầm một điện thoại hàng Nokia 105 màu xanh đã cũ có số sim 01296314456 và đọc số điện thoại của Q có số sim là 0963494328; Phùng Đình T cầm điện thoại và ghi số điện thoại của Q của Q lưu vào máy, sau đó Phùng Đình T ra sân sử dụng chiếc xe mô tô Wave mà D vừa sử dụng đi lên nhà nghỉ Mini. Khi T đến cổng nhà nghỉ Mini Phùng Đình T gọi điện thoại cho Q xuống lấy ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện S kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ gói nilon bên trong có các hạt tinh thể màu trắng, dạng hạt vụn; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã cũ và 01 chiếc xe mô tô Wave không có biển số xe (sau này cơ quan Cảnh sát điều tra xác định và thu giữ biển số xe 36B5 - 599.76. Đến ngày 20/3/2017 D đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S để đầu thú và khai nhận hai lần bán ma túy cho Q như đã nêu ở trên và giao nộp 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đã cũ và 300.000đ.

Ngày 17/3/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận giám định: Các hạt tinh thể màu trắng bám dính trong ống thủy tinh màu trắng, hình cong của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định có

Methamphetamine và các hạt tinh thể màu trắng dạng hạt vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định có tổng trọng lượng 0,220 gam có Methamphetamine.

Ngày 09/8/2017 TAND huyện S ra quyết định trưng cầu giám định đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa để xác định hàm lượng có trong trọng lượng chất ma túy.

Ngày 18/8/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã có kết luận giám định: Các hạt tinh thể màu trắng hạt vụn của phong bì ký hiệu M1 có hàm lượng Methamphetamine là 43,21% (bốn ba phẩy hai một phần trăm). Trọng lượng Methamphetamine trong mẫu gửi giám định là 0,087 gam.

Đối với hành vi của Nguyễn Trọng Q, Lại Như H, Lê Bá T mua ma túy đá của Nguyễn Hữu D và Phùng Đình T để sử dụng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã khởi tố vụ án về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và thu giữ các vật chứng trong đó có 01 ống thủy tinh màu trắng, hình cong có các chất tinh thể màu trắng bám dính, để xử lý trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B5 - 599.76 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã xác định chủ sở hữu là của bà Nguyễn Thị H(là mẹ đẻ D), bà H không biết việc D và Phùng Đình T sử dụng chiếc xe mô tô trên đi bán ma túy, vì vậy cơ quan CSĐT Công an huyện S đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà H là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Nguyễn Hữu D đã khai nhận số ma túy đã bán cho Nguyễn Trọng Q là mua của một người nam giới không biết tên, địa chỉ vào tối ngày 14/3/2017 tại khu vực cầu V, phường S, thành phố Thanh Hóa 02 gói mỗi gói giá 300.000đ, nhưng ban đầu tại cơ quan điều tra D khai mua 01 gói với giá 500.000đ mang về nhà chia thành 02 gói và giấu ở vườn nhà mình để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì Q gọi hỏi mua nên D đã bán 02 gói ma túy đá cho Q với giá 600.000đ.

Tại bản cáo trạng số 09/CT - VKS - MT ngày 03/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S cũng như phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu D và Phùng Đình T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đối với Nguyễn Hữu D theo điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của BLHS.

Đối với Phùng Đình T theo khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của BLHS.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Hữu D từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù và Phùng Đình T từ 30 đến 36 tháng tù. Các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Lời khai mà Nguyễn Hữu D và Phùng Đình T thừa nhận tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra: Vào khoảng 16h ngày 15/3/2017 tại nhà nghỉ Mini thuộc phố T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Hữu D đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy cho Nguyễn Trọng Q với giá 300.000đ; tiếp đến khoảng 17h40 phút cùng ngày D đã đưa 01 gói ma túy có trọng lượng 0,220 gam; hàm lượng 43,12% đưa cho Phùng Đình T đem lên nhà nghỉ Mini mục đích là để bán cho Nguyễn Trọng Q, nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an huyện S bắt quả tang.

Đại diện Viện kiểm sát đã đề cập đến những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm căn cứ buộc tội đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu D và Phùng Đình T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Phùng Đình T chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS. Vì bị cáo Nguyễn Hữu D phạm tội nhiều lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS.

- Tính chất vụ án: Tội phạm về ma túy là những tội phạm nguy hiểm, nó đang trở T hiểm họa lớn cho toàn xã hội, ma túy không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe, phẩm giá của con người, làm suy thoái nòi giống, phá hoại hạnh phúc gia đình mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, tệ nạn ma túy chính là tác nhân làm gia tăng các tội phạm khác, là nguồn gốc làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS. Trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước ta không ngừng tuyên truyền, phòng chống ngăn chặn các loại tội phạm khác về ma túy, nhiều vụ án đã đưa ra xét xử một cách nghiêm khắc.

Trong vụ án này các bị cáo cũng chỉ vì lợi nhuận đã xem thường pháp luật, dẫn đến việc mua bán trái phép chất ma túy, tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an chung, cần được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

- Về vai trò và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Nguyễn Hữu D là người trực tiếp đi mua ma túy và hai lần bán ma túy cho Q, còn Phùng Đình T là đối tượng giúp sức một lần cho D thực hiện hành vi phạm tội, vì lẽ đó D vừa là giữ vai trò chính trọng vụ án này, vừa phải chịu tình tiết định khung hình phạt là phạm tội nhiều lần, nên phải chịu mức án cao hơn bị cáo Phùng Đình T.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thì việc cách ly xã hội đối với các bị cáo là cần thiết để có điều kiện cải tạo sớm trở thành người lương thiện.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo là thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu D còn có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội đến cơ quan Công an đầu thú. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Trong vụ án này các bị cáo mua Methamphetamine nhưng trọng lượng ma túy ít, vì lẽ đó không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì ma túy niêm phong được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa là vật Nhà nước cấm lưu hành cùng với số tiền 300.000đ và 02 điện thoại Nokia gồm có 01 cái máy Nokia 105 màu xanh đã cũ và cái máy Nokia 105 màu đen đã cũ, toàn bộ bên trong không tháo, không rõ chất lượng của 02 máy điện thoại trên là vật do các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần áp dụng khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 76 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ và 02 chiếc máy điện thoại di động Nokia 105.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu D và Phùng Đình T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu D 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/3/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Đình T 24(hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2017.

Xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 76 của BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì ma túy niêm phong được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và có chữ ký của Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan và Lê Văn Hà.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ và 02 chiếc điện thoại Nokia trong đó có: 01 cái máy Nokia 105 màu xanh đã cũ và cái máy Nokia 105 màu đen đã cũ, toàn bộ bên trong không tháo, không rõ chất lượng của 02 máy điện thoại trên.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S theo biên lai thu tiền số AA/2010/002399 ngày 03/8/2017; phiếu nhập kho số NK 2017/07 ngày 03/8/2017 và phiếu nhập kho số NK 2017/08 ngày 25/8/2017.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo pH chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh

